

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK giảm điểm mạnh ở hầu hết các nhóm cổ phiếu với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến tiêu cực của thị trường chứng khoán thế giới

[Thông tin doanh nghiệp]

FPT, HT1

[Cập nhật công ty]

POW, DXG, PNJ

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng các vị thế ngắn hạn trong các nhịp hồi sớm và khống chế tỷ trọng ở mức an toàn.

19/09/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	1,205.43	-2.32
VN30	1,229.88	-1.83
HĐTL VN30F1M	1,223.50	-1.09
HNXIndex	264.25	-3.16
HNX30	460.45	-4.32
UPCoM	88.34	-1.25
USD/VND	23,671	+0.08
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.75	-1
Lãi suất qua đêm (%)	4.26	+16
Dầu (WTI, \$)	84.22	-1.05
Vàng (LME, \$)	1,663.78	-0.67



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,205.43 (-2.32%)
KLGD (triệu CP) 702.0 (+26.8%)
GTGD (triệu US\$) 705.8 (+7.6%)

HNXIndex 264.25 (-3.16%)
KLGD (triệu CP) 91.4 (+11.9%)
GTGD (triệu US\$) 77.5 (+28.2%)

UPCoM 88.34 (-1.25%)
KLGD (triệu CP) 39.8 (-18.9%)
GTGD (triệu US\$) 26.6 (+8.1%)

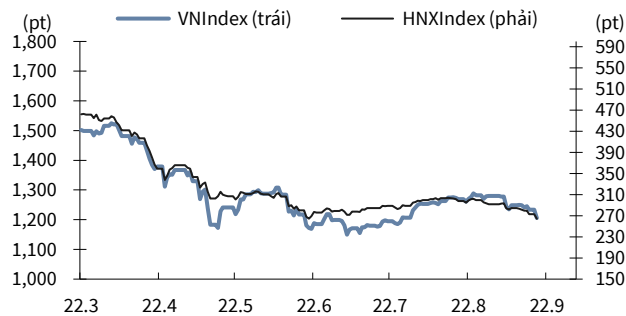
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +5.7

TTCK giảm điểm mạnh ở hầu hết các nhóm cổ phiếu với thanh khoản tăng. Khối ngoại quay trở lại mua ròng, tập trung ở HPG (-1.5%), DGC (-3.6%), VNM (-1.1%).

Ngân hàng Thế giới trong báo cáo mới nhất đã dự báo nền kinh tế toàn cầu có thể đối mặt với một cuộc suy thoái vào năm tới do làn sóng thắt chặt chính sách nhưng chưa đủ khả năng để kiềm chế lạm phát và dự báo GDP toàn cầu năm 2023 chỉ đạt 0.5%, tương ứng giảm 0.4% tăng trưởng tính theo đầu người. Theo Nikkei, Việt Nam và Thái Lan - hai nhà xuất khẩu gạo lớn thứ hai và thứ ba thế giới sẽ tổ chức các cuộc đàm phán để tăng giá xuất khẩu gạo, giúp cổ phiếu gạo giao dịch tích cực hơn thị trường chung ở TAR (0%), PAN (0%).

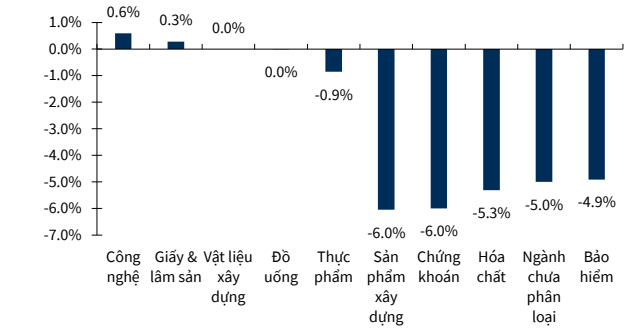
Đại diện đứng đầu Vinatex dự báo tăng trưởng xuất khẩu dệt may Việt Nam trong những tháng cuối năm sẽ chậm lại do ảnh hưởng bởi lạm phát và nhu cầu giảm sút, giảm khoảng 15% so với các tháng đầu năm. Thông tin trên tác động tiêu cực đến cổ phiếu dệt may ở TNG (-7.5%), STK (-6.7%).

VNIndex & HNXIndex



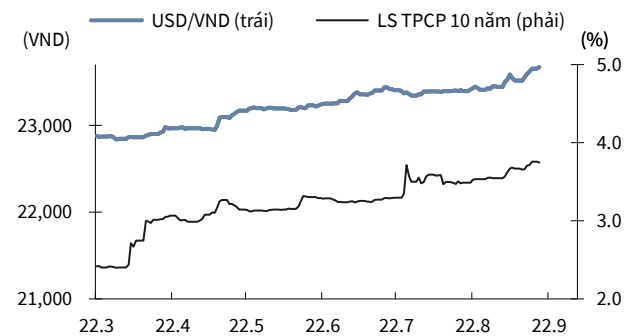
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

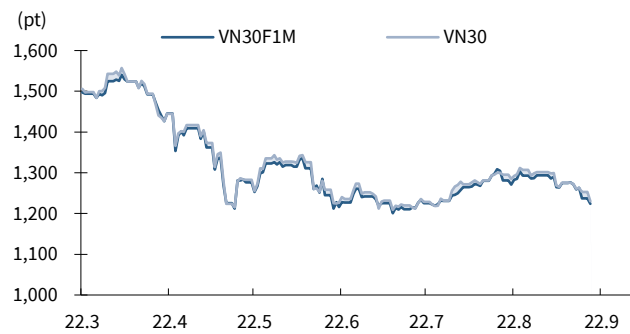
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,229.88 (-1.83%)
VN30F1M	1,223.5 (-1.09%)
Mở cửa	1,239.0
Cao nhất	1,239.0
Thấp nhất	1,218.0

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến tiêu cực của thị trường chứng khoán thế giới. Chênh lệch F2210 và chỉ số VN30 xuống mức thấp nhất trong đầu phiên sáng tại -16.45 điểm sau đó thu hẹp dần và đóng cửa ở mức -6.38. Thanh khoản thị trường tăng trong phiên giao dịch hôm nay.

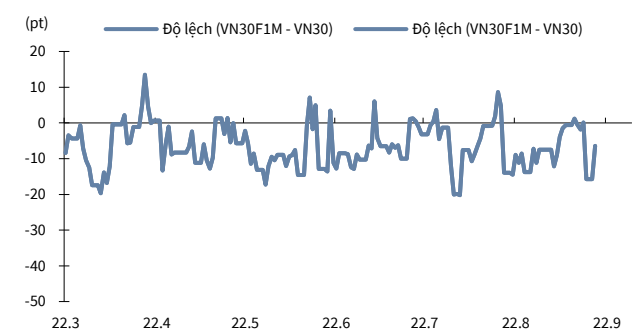
KLGD (HĐ)	264,539 (+50.5%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



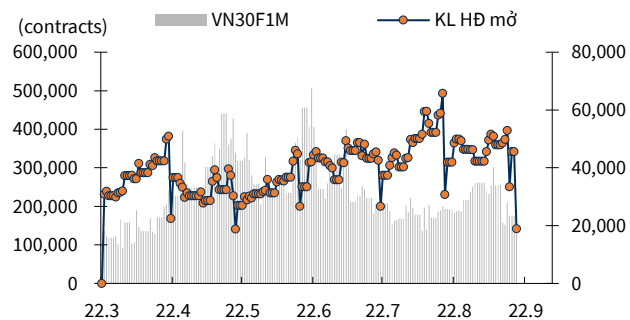
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



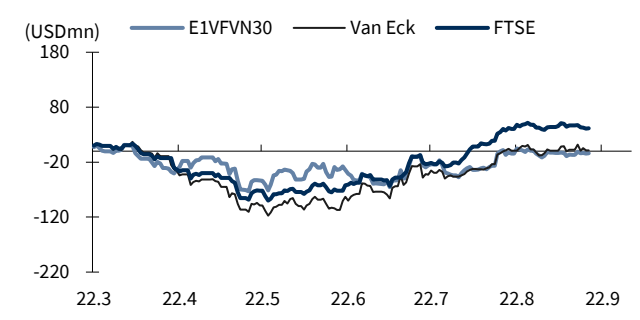
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

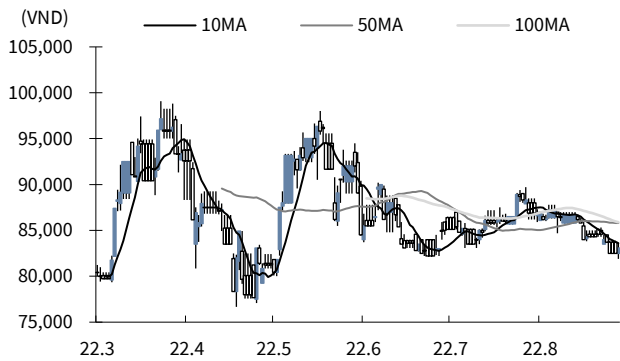
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP FPT (FPT)

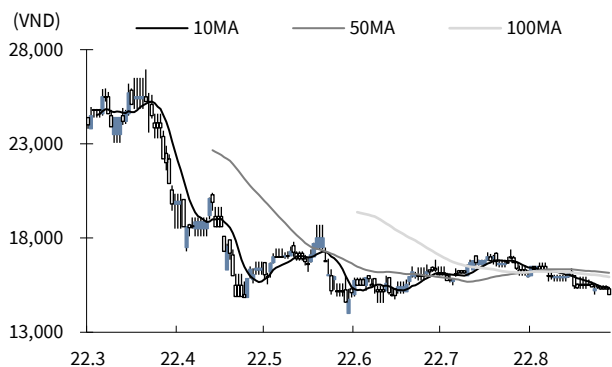


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FPT tăng 0.73% lên 83,100 VND/cp

- FPT công bố kết quả kinh doanh 8 tháng đầu năm với lợi nhuận trước thuế 4,221 tỷ đồng, tăng 27.8% YoY và doanh thu 27,060 tỷ đồng, tăng 24% YoY. Trong đó, doanh thu mảng xuất khẩu phần mềm đạt 11,731 tỷ đồng (+28.7% YoY), mảng công nghệ 15,481 tỷ đồng (+24.1% YoY) và mảng viễn thông 9,560 tỷ đồng, tăng 17% YoY.

CTCP Xi Măng Vicem Hà Tiên (HT1)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HT1 giảm 1.96% xuống 15,000 VND/cp

- Xi măng Vicem Hà Tiên trả cổ tức bằng tiền năm 2021 với tỷ lệ 6%. Với gần 381.6 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp sẽ chi trả 229 tỷ đồng trả cổ tức đợt này, ngày đăng ký cuối cùng là vào ngày 26/9 và ngày trả cổ tức là 26/10.

15/09/2022

 Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Lợi nhuận tiếp tục tăng trưởng trong năm 2022-2023

Doanh thu năm 2022 và 2023 của DXG ước tính đạt lần lượt 8,981 tỷ VND (-11%YoY) và 9,791 tỷ VND (+9%YoY), tương ứng với LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 1,211 tỷ VND (+5%YoY) và 1,362 tỷ VND (+13%YoY).

Doanh số pre-sales kì vọng tăng trưởng mạnh từ năm 2022

Trong 6 tháng đầu năm, DXG ghi nhận doanh số bán hàng đạt khoảng 100 triệu USD phần lớn đến từ dự án Gem Sky World. Trong năm 2022, Đất Xanh sẽ tiếp tục bán hàng tại dự án Gem Sky World và mở bán dự án Gem Riverside trong quý 4/2022. Tổng giá trị hợp đồng bán của các dự án trong năm 2022 tăng trưởng mạnh ước đạt khoảng 9,249 tỷ VND (+115%YoY).

Liên tục thu tóm nhiều quỹ đất mới

Tổng quỹ đất hiện tại của DXG đạt khoảng 4,200ha sau khi công ty liên tục thu tóm các quỹ đất tiềm năng, trong đó có 30-40% là đất sạch sẵn sàng mở triển khai. Kế hoạch mở rộng quỹ đất đảm bảo tăng trưởng của DXG trong trung và dài hạn.

Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 39,800VND/cổ phiếu

Dựa trên triển vọng kinh doanh và định giá, chúng tôi tiếp tục đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu DXG với giá mục tiêu là 39,800 VND/cp, cao hơn 53% so với giá đóng cửa ngày 14/09/2022.

Mua Duy trì

Giá mục tiêu

39,800 VND

Tăng/giảm (%)	53%
Giá hiện tại (14/09/2022)	26,000 VND
Giá mục tiêu đồng thuận	37,800 VND
Vốn hóa thị trường	15.8/0.7

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	75.6%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	225.5/9.6
Sở hữu nước ngoài (%)	
Cổ đông lớn	Ông Lương Trí Thìn (18.04%)

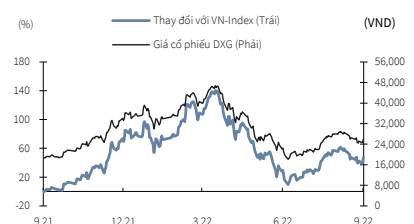
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tương đối	-6	17	-36	40
Tuyệt đối	-6	16	-21	48

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh số thuần (tỷ VND)	2,891	10,089	8,981	9,791
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	-4	2,522	2,779	3,209
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	-496	1,157	1,211	1,362
EPS (VND)	-953	1,936	1,987	2,236
Tăng trưởng EPS (%)	-142		3	13
P/E (x)	-43.95	21.64	13.08	11.63
P/B (x)	3.54	2.86	1.06	0.93
ROE (%)	-5	10	12	12
Tỷ suất cổ tức (%)				

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)

Tăng trưởng vượt kỳ vọng, dự kiến sớm hoàn thành kế hoạch 2022

14/09/2022

 Chuyên viên phân tích Phạm Phương Linh
 linhpp@kbsec.com.vn

KQKD tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ấn tượng

7T2022, PNJ ghi nhận doanh thu đạt 20,721 tỷ đồng (+70.9% YoY) và LNST đạt 1,167 tỷ đồng (+66.1%). Với kết quả trên, công ty đã hoàn thành 80.2% mục tiêu doanh thu và 88.4% mục tiêu lợi nhuận của năm 2022. So với kế hoạch dự phóng của chúng tôi, công ty đã hoàn thành lần lượt 71% và 72%.

Triển vọng tích cực trong nửa cuối năm 2022 bất chấp lo ngại về lạm phát

Chúng tôi cho rằng KQKD của PNJ có thể đạt mức tăng trưởng kỷ lục trong quý 3/2022 do quý 3/2021 công ty đã ghi nhận lỗ khi phải đóng cửa nhiều cửa hàng, và sẽ duy trì tích cực trong quý 4/2022 – quý cao điểm nhu cầu trang sức. Đối tượng khách hàng của PNJ thuộc phân khúc trung và cao cấp nên hành vi tiêu không bị ảnh hưởng nhiều bởi lạm phát.

Động lực tăng trưởng trong dài hạn đến từ việc mở rộng các cửa hàng, và nhu cầu trang sức cao được hỗ trợ bởi nhân khẩu học

Ban lãnh đạo PNJ đặt mục tiêu mở mới 30-40 cửa hàng mỗi năm, dự kiến đạt 500 cửa hàng vào năm 2025 với định hướng sản phẩm vào phân khúc trung và cao cấp. Hiện PNJ cũng đang có kế hoạch xây dựng thêm nhà máy mới để tăng công suất nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường. Nhu cầu trang sức ngày càng lớn khi Việt Nam là nước có dân số trẻ, thu nhập bình quân/đầu người tăng mạnh hàng năm.

Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 141,200 VNĐ/cp

Trong năm 2022, chúng tôi dự phóng kết quả hoạt động kinh doanh của PNJ với doanh thu thuần đạt 29,111 tỷ đồng (+48.4% YoY) và lợi nhuận sau thuế đạt 1,615 tỷ đồng (+56.4% YoY). Chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu PNJ, mức giá mục tiêu 141,200 VNĐ/cp, cao hơn 25% so với mức giá đóng cửa ngày 13/09/2022.

MUA

Giá mục tiêu VNĐ 141,200

Tăng/giảm (%)	25%
Giá hiện tại (13/09/2022)	VND 113,000
Vốn hóa thị trường (tỷ VNĐ/tỷ USD)	27,847/1.17

Dữ liệu giao dịch

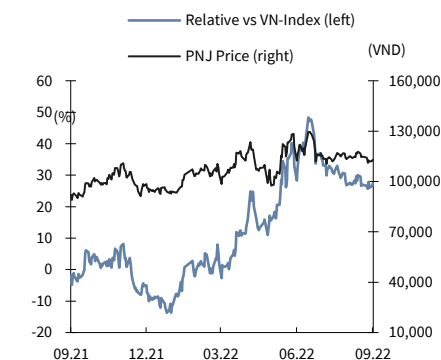
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	85%
GDTB 3 tháng (tỷ VNĐ, triệu USD)	182.6/7.7
Sở hữu nước ngoài	48.28%
Cổ đông lớn	Vietnam Enterprise Investments Ltd (3.74%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-1	-3	7	20
Tương đối	1	-9	23	27

Dự phóng KQKD & định giá

FY - end	2020A	2021A	2022E	2023E
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	17,511	19,613	29,111	33,561
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	1,349	1,305	2,038	2,571
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	1,069	1,033	1,615	2,038
EPS (VNĐ)	4,308	4,161	6,565	8,286
Tăng trưởng EPS (%)	-12.0	-3.4	57.7	26.2
P/E (x)	18.8	23.1	16.4	13.0
P/B (x)	3.5	3.6	3.1	2.6
ROE (%)	20	18	22	22
Tỉ lệ trả cổ tức, phổ thông (%)	45	35	35	35



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Khó khăn trong 2022 nhưng tích cực trong năm 2023

Chuyên viên phân tích – Tiêu Phan Thanh Quang
quangtpt@kbsec.com.vn

19/09/2022

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế Quý 2/2022 tiếp tục sụt giảm so với cùng kỳ

Trong Quý 2/2022, POW ghi nhận Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế đạt lần lượt 7,463 tỷ VNĐ (-6% YoY) và 586 tỷ VNĐ (-32% YoY). Biên lợi nhuận gộp giảm 1.9 điểm % so với cùng kì, đạt 12.45% do sự sụt giảm sản lượng từ nhiệt điện Cà Mau 1&2 và Vũng Áng 1 không bù đắp được bằng kết quả kinh doanh ấn tượng của cụm nhiệt điện khí Nhơn Trạch.

Nhiệt điện khí: Nhơn Trạch 2 sẽ là bộ đỡ chính cho mảng điện khí của POW trong ngắn hạn và triển vọng ngành sẽ sáng hơn trong 2023 khi tình hình thủy văn không còn thuận lợi cho thủy điện

Trong 1H2022, sản lượng mảng điện khí của POW đạt 4,789 triệu kWh (-4.5% YoY) do việc đưa vào đại tu nhiệt điện Cà Mau 1 và tình hình nguồn cung khí cho cụm nhiệt điện Cà Mau chưa được giải quyết triệt để. Tuy nhiên, chúng tôi thấy rằng, NT2 tiếp tục là một điểm sáng bù đắp cho những sự cố khách quan tại nhiệt điện Cà Mau khi sản lượng 1H2022 của NT2 tiếp tục tăng trưởng tích cực, đạt 2,176 triệu kWh (+15% YoY). Do vậy, chúng tôi dự báo rằng NT2 sẽ tiếp tục là động lực dẫn dắt mảng điện khí của POW tăng trưởng cả về sản lượng cũng như doanh thu trong năm 2022 (. Dựa trên quan điểm này, chúng tôi dự báo sản lượng điện khí của POW trong năm 2022 sẽ tăng trưởng 23.5% YoY, đạt 9,843 triệu kWh.

Các khoản đền bù sẽ giảm thiểu áp lực suy giảm KQKD trong năm 2022

Chúng tôi cho rằng thu nhập từ các khoản đền bù khoảng 854 tỷ sẽ là yếu tố hỗ trợ tích cực cho LNST của POW trong năm nay khi các nhà máy của POW đang gặp những yếu tố khó khăn trong hoạt động cốt lõi. Tổng các khoản đền bù này sẽ đạt khoảng hơn 770 tỷ VNĐ LNST cho POW, chiếm khoảng 34% LNST năm 2022 của POW theo ước tính của chúng tôi.

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 18,000 VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên định giá SOTP và EV/EBITDA, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu POW. Giá mục tiêu là 18,000 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 26.3% so với giá tại ngày 15/09/2022.

Mua

Giá mục tiêu

VNĐ 18,000

Tăng/giảm (%)	36.6%
Giá hiện tại (15/09/2022)	VNĐ14,250
Giá mục tiêu thị trường	VNĐ16,900

Dự phóng KQKD & định giá

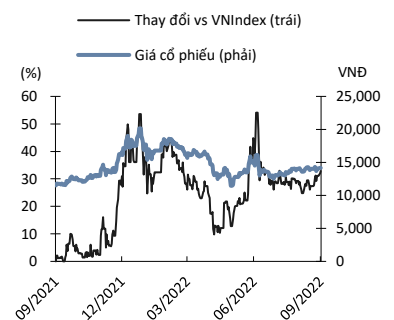
Năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh thu (tỷ VNĐ)	29,732	24,565	28,352	32,587
EBIT	3,371	2,405	2,065	2,953
LN sau CĐTS	2,365	1,779	1,966	1,969
EPS (VNĐ)	999	760	839	841
Thay đổi EPS (%)	-2.8	-23.9	10.0	0.0
P/E (x)	42.5	95.4	23.5	23.4
EV/EBITDA (x)	17.3	33.0	10.7	10.3
P/B (x)	3.2	5.3	1.3	1.2
ROE (%)	8.5	6.3	6.2	5.6
Tỷ suất cổ tức (%)	1.0	0.4	0.0	0.0

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	20.0%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	204.94
Sở hữu nước ngoài (%)	46.5%
Cổ đông lớn	PetroVietnam (79.94%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
POW	1.1	-7.2	-12.4	23.0
VNINDEX	2.2	-8.8	2.9	32.0

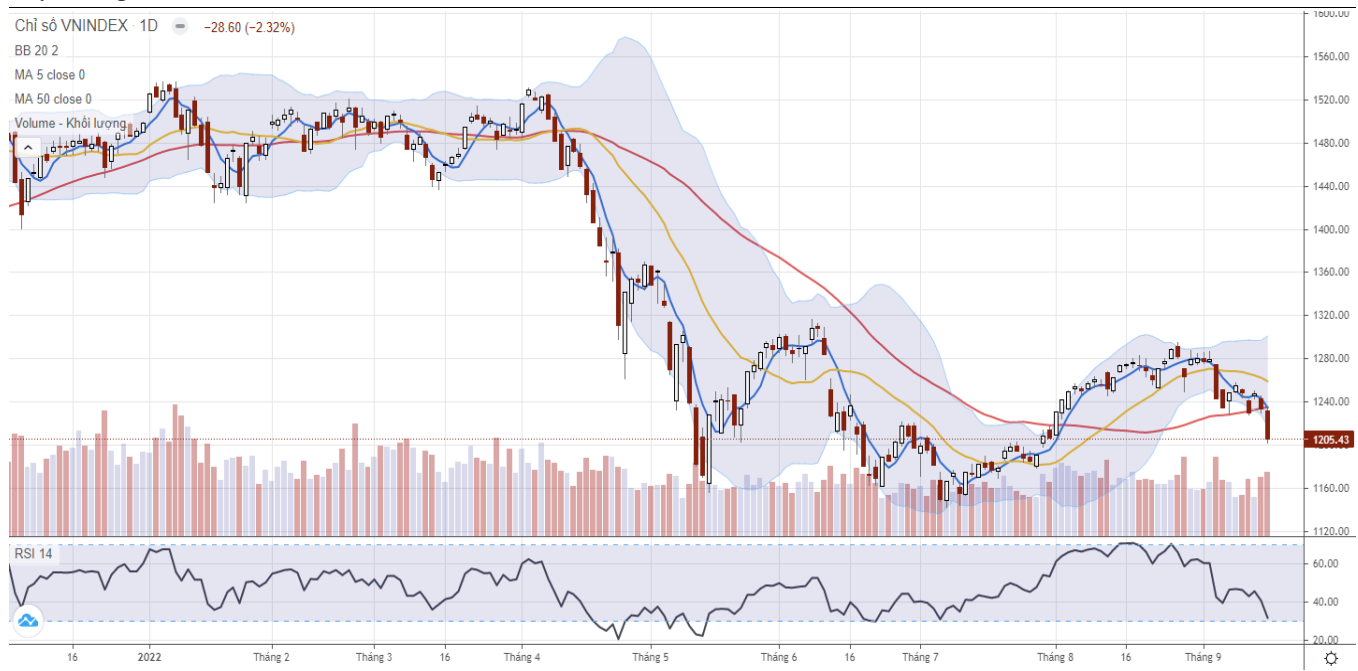


Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



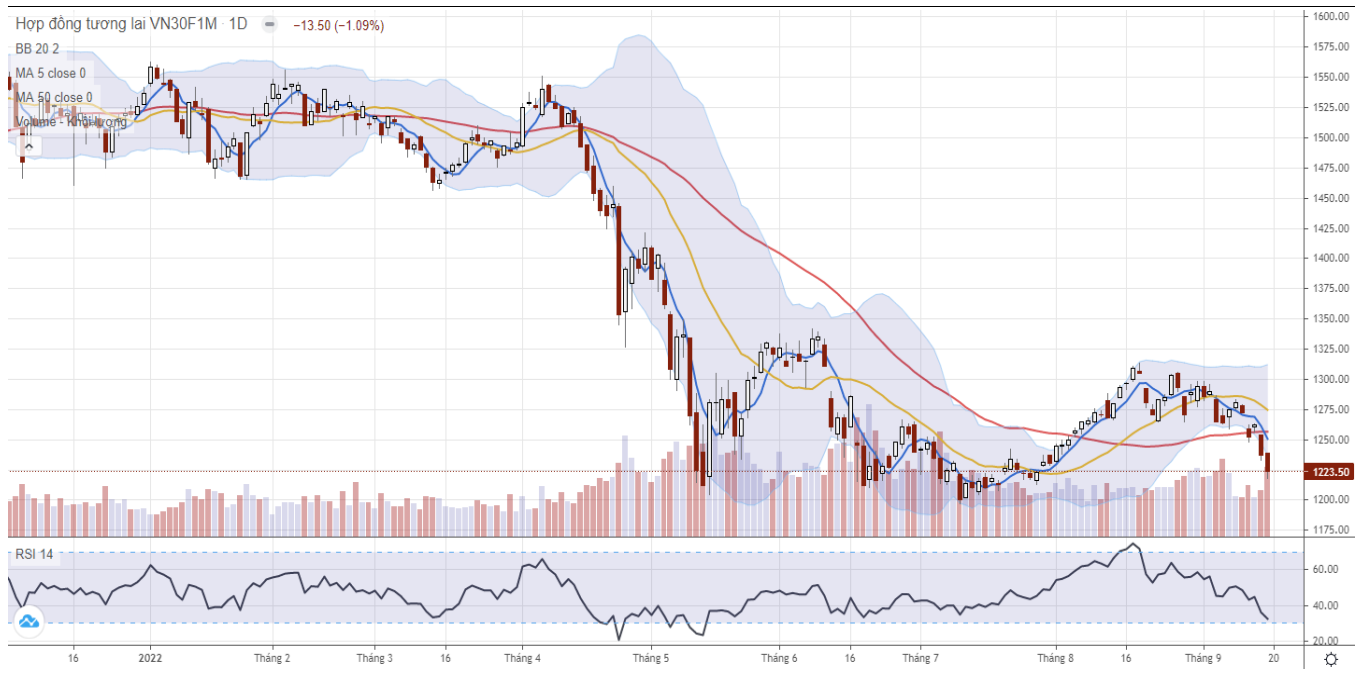
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tiếp tục có một phiên lao dốc mạnh với thanh khoản tăng đột biến.
- Lực bán áp đảo quanh vùng giá thấp khiến cho chỉ số đánh mất vùng hỗ trợ đáng lưu ý quanh 1220, tương ứng với MA50, và trạng thái của thị trường hiện đã trở nên tiêu cực hơn. VNIndex sẽ tiếp tục quán tính giảm điểm trong phiên tiếp theo và lùi về vùng hỗ trợ gần quanh 118x trước khi có khả năng xuất hiện một nhịp hồi kỹ thuật tại đây.
- NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng các vị thế ngắn hạn trong các nhịp hồi sớm và khống chế tỷ trọng ở mức an toàn.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1238 - 1240

Kháng cự gần: 1227 - 1230

Hỗ trợ gần: 1217 - 1219

Hỗ trợ xa: 1201 - 1205

— F1 tiếp tục có một phiên lao dốc mạnh trước khi hồi phục một phần về cuối phiên.

— Lực bán áp đảo quanh vùng giá thấp khiến cho chỉ số chồm phá vùng hỗ trợ đáng lưu ý quanh 1220 và trạng thái của thị trường hiện đã trở nên tiêu cực hơn. F1 sẽ tiếp tục quán tính giảm điểm trong phiên tiếp theo và lùi về vùng hỗ trợ gần quanh 120x trước khi có khả năng xuất hiện một nhịp hồi kỹ thuật tại đây.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, tuy nhiên, ưu tiên mở SHORT tại các vùng kháng cự.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế SHORT đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

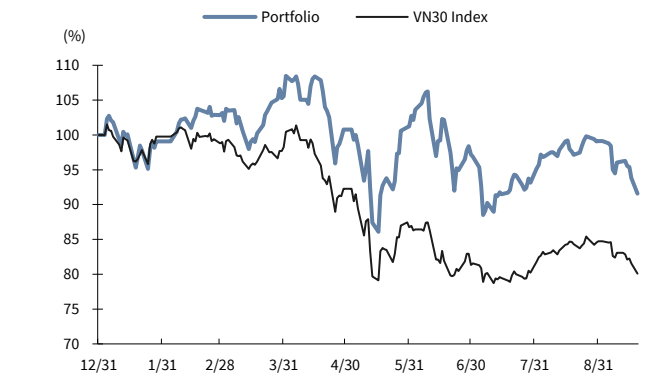
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bố đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.83%	-2.41%
Tăng lũy kế (YTD)	-19.91%	-8.42%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 19/09/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	70,500	-2.1%	82.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đạt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	22,300	-5.1%	-21.8%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	112,000	-1.1%	46.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	169,000	-0.5%	-12.0%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	82,300	-2.1%	178.4%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	83,100	0.7%	242.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	25,500	-2.7%	34.9%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	108,000	-2.7%	47.1%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	22,650	-1.5%	103.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	27,900	-7.0%	171.5%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PNJ	1.2%	48.3%	121.6
VNM	2.0%	55.0%	38.8
VCB	1.0%	23.5%	29.4
VRE	3.5%	32.0%	22.2
HAG	0.0%	1.2%	22.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
STB	-2.6%	22.5%	-16.3
VJC	-0.3%	16.4%	-20.6
E1VFN30	-1.7%	92.5%	3.3
HSG	-5.0%	5.6%	-8.2
KDH	-4.5%	31.5%	-4.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	-2.2%	10.5%	1.0
PLC	-0.7%	0.9%	1.0
PVI	-0.2%	58.6%	0.6
VCS	-1.4%	2.9%	0.6
HLD	-1.6%	5.5%	0.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CEO	-8.6%	0.0%	-11.3
SHS	-5.0%	6.7%	-1.3
HUT	-4.6%	1.0%	-0.7
IDC	-3.0%	0.2%	-0.3
THD	-9.9%	1.2%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngành chứa phân loại	0.9%	CKG, PSH, NHH, ABS
Vật liệu xây dựng	0.0%	HT1, PTB, GAB, ACC
Giấy & lâm sản	0.0%	DHC, HAP, HHP, VID
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-0.5%	TNH, JVC, VMD
Quản lý & phát triển bất động sản	-0.7%	VHM, VIC, NVL, BCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	-8.6%	TCH, HHS, SRF, SHA
Chứng khoán	-8.1%	SSI, VND, HCM, VCI
Hóa chất	-7.7%	GVR, DGC, DPM, DCM
Sản phẩm xây dựng	-6.9%	VGC, BMP, SHI, DAG
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-6.7%	TLG, ILB, APC, ST8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngành chứa phân loại	13.5%	CKG, PSH, NHH, ABS
Cung cấp và dịch vụ thương mại	9.0%	TLG, ILB, APC, ST8
Bán lẻ hàng chuyên dụng	5.6%	MWG, FRT, CTF, HAX
Thực phẩm	2.5%	VNM, MSN, KDC, VHC
Tiện ích điện	1.9%	PGV, NT2, PPC, TTA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Chứng khoán	-14.4%	SSI, VND, HCM, VCI
Sản phẩm xây dựng	-13.1%	VGC, BMP, SHI, DAG
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-11.8%	PLX, PGC, CNG, GSP
Hàng hải	-11.4%	VSC, VOS, SKG, VTO
Thiết bị điện	-11.2%	GEX, SAM, CAV, RAL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	68,041 (2.9)	22.5	27.1	39.4	14.7	7.6	5.4	2.2	2.1	0.6	-1.7	-7.4	-33.9
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	113,888 (4.8)	26.6	8.2	6.8	35.9	22.2	22.1	1.7	1.4	-2.0	-4.9	-2.8	-28.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	44,698 (1.9)	17.8	27.0	19.0	-7.6	7.7	10.1	2.0	1.9	-2.5	1.2	-0.7	-3.3
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	254,807 (10.8)	31.3	28.7	24.8	6.7	14.5	16.1	4.2	3.6	-1.6	1.3	3.3	-6.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	40,893 (1.7)	11.6	17.1	15.8	13.7	13.0	12.8	2.0	1.8	-0.7	-6.0	13.0	-27.4
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	277,890 (11.8)	13.9	15.2	10.9	-	10.5	12.7	1.0	0.9	-2.0	-2.2	16.9	-31.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	93,693 (4.0)	6.3	13.8	11.5	11.7	21.9	22.7	2.7	2.2	-1.5	-0.4	-2.6	0.0
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	58,184 (2.5)	12.7	12.4	9.5	-5.3	16.9	19.0	1.7	1.5	-3.7	-7.3	13.1	-7.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	115,020 (4.9)	0.0	5.6	4.8	14.3	21.0	20.1	1.1	0.9	-2.6	-6.5	10.1	-29.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	83,396 (3.6)	1.4	6.6	5.3	50.3	19.7	22.1	1.1	1.0	-2.7	-5.7	-9.7	-24.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	398,863 (17.0)	0.0	7.0	6.9	18.8	20.8	17.3	1.3	1.1	-2.1	-1.8	-4.3	-16.5
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	187,491 (8.0)	0.0	5.6	4.9	14.6	24.1	23.3	1.2	1.0	-3.7	-7.1	-8.7	-12.8
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	49,799 (2.1)	4.2	6.1	5.2	23.3	22.4	21.5	-	-	-2.0	-4.5	-6.7	-20.6
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	262,259 (11.2)	14.0	9.5	4.2	26.5	12.0	21.2	1.1	0.9	-3.8	-6.5	13.9	-31.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	33,688 (1.4)	0.0	6.4	4.9	37.4	21.6	22.0	1.2	1.0	-4.9	-7.2	12.0	-39.1
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	24,561 (1.0)	0.2	-	-	27.3	10.8	-	-	-	2.3	14.6	17.5	3.6	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	79,104 (3.4)	21.0	18.5	15.1	15.8	9.9	11.5	1.7	1.7	-5.2	-6.2	-4.8	-5.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	11,030 (0.5)	14.2	14.8	13.2	9.1	12.8	13.6	1.6	1.5	-3.3	-5.3	0.2	-32.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	432,056 (18.4)	55.4	11.9	10.9	-3.2	15.2	13.1	-	-	-5.9	-8.9	20.9	-59.1
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	213,216 (9.1)	71.9	-	-	-4.0	22.7	20.9	-	-	-6.9	-9.2	11.7	-42.0
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	183,727 (7.8)	52.4	-	-	-19.0	16.9	15.9	-	-	-5.5	-1.0	11.7	-45.4
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	383,612 (16.3)	27.2	-	-	36.3	27.0	25.6	-	-	-6.1	11.2	21.2	-46.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	180,655 (7.7)	42.1	17.9	16.1	4.0	27.1	29.2	4.6	4.4	-1.1	-0.1	1.5	-13.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	26,307 (1.1)	36.9	23.9	20.6	7.3	22.3	22.9	4.8	4.3	0.0	-5.0	-5.0	22.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	68,631 (2.9)	16.5	28.6	20.4	-51.9	14.9	17.9	4.2	3.6	-0.3	-2.2	0.4	-21.1
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	54,563 (2.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.8	-0.6	-9.7	-49.7	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	69,201 (2.9)	11.0	-	-	-88.5	7.6	18.1	-	-	-0.6	-2.1	-7.3	-10.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	45,118 (1.9)	10.8	15.9	14.1	-57.0	13.7	14.1	2.1	1.9	-4.1	-4.4	-9.6	-0.6
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	152,258 (6.5)	38.4	7.1	38.1	65.7	14.3	2.4	0.9	0.9	-7.0	-6.3	17.1	-55.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	0.0	-81.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	241,586 (10.3)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-6.8	10.2	13.8	-49.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	46,651 (2.0)	3.6	270.5	12.9	-52.4	0.2	4.6	-	-	-3.4	-2.0	-4.0	-38.0
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	83,334 (3.5)	0.0	12.1	11.5	-4.5	16.0	14.8	1.7	1.5	-2.1	-3.3	0.7	37.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND triệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	51,266 (2.2)	46.1	14.5	15.8	-17.5	24.8	20.7	3.5	3.2	-2.7	-5.0	-6.6	12.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	59,273 (2.5)	31.4	11.8	11.5	-10.5	18.2	16.8	1.9	1.7	-2.6	0.8	18.2	14.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,151 (0.1)	34.1	20.4	9.2	-5.1	4.7	9.9	1.1	1.1	-0.6	-2.8	-2.0	-28.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	492,790 (21.0)	18.0	5.4	4.7	21.9	22.9	22.7	1.1	1.0	-1.5	-4.8	-4.6	-36.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	215,764 (9.2)	36.5	4.1	6.4	-0.5	40.0	22.4	1.4	1.3	-6.9	-7.6	3.4	-3.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	261,853 (11.1)	46.5	5.9	8.5	-4.5	38.3	22.2	-	-	-6.9	-8.6	7.7	-6.1
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	266,845 (11.3)	38.9	8.5	6.7	67.9	10.2	11.8	0.8	0.7	-7.0	10.7	-5.9	-48.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	33,522 (1.4)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-3.6	-5.4	12.4	-47.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	57,758 (2.5)	4.6	25.2	13.7	-51.0	5.8	10.8	2.0	1.9	-2.9	-5.6	11.0	-29.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	266,104 (11.3)	39.9	161.4	20.8	-11.9	0.3	4.2	0.8	0.8	-7.0	1.4	8.1	-4.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	71,106 (3.0)	35.9	8.2	7.6	2.2	15.3	15.5	1.2	1.1	-5.7	-6.3	-0.5	-13.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	326,128 (13.9)	0.0	18.3	13.6	14.4	24.8	27.5	3.3	2.7	-2.1	-4.7	10.0	3.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	73,124 (3.1)	0.0	15.4	13.4	2.4	24.2	23.0	3.1	2.6	-1.1	-0.2	-1.8	16.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	2,021 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-4.4	-8.7	14.5	-23.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	180,276 (7.7)	30.3	17.8	14.8	-75.2	27.3	25.6	4.3	3.4	-4.9	-8.6	-2.4	25.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	68,555 (2.9)	34.6	9.1	8.2	41.2	32.2	107.8	2.2	1.8	-6.9	-9.0	-7.0	-14.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	717 (0.0)	45.4	13.5	12.4	10.7	22.2	21.7	-	-	-0.8	-2.0	-3.4	-20.2
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	112,539 (4.8)	0.0	17.0	13.9	15.5	28.9	28.7	4.3	3.5	0.7	-1.8	-4.4	7.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.